

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám Đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2012	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12- 32

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (được chuyển đổi từ Công ty TNHH thép Đại Thiên Lộc, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 7 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000334 ngày 12 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 09 năm 2012.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 501.360.900.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2012 gồm:

- Chi nhánh tại 507 Tôn Đức Thắng, phường Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.
- Chi nhánh tại 19 Cách Mạng Tháng Tám, phường Long Hương, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- Xí nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc tại Ô 13A, lô CN8, đường N5, khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 69 Trần Hưng Đạo, thị trấn Long Mỹ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.
- Chi nhánh tại 295 Trần Hưng Đạo B, phường 5, thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.
- Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại Ô 10-11-12-13B, lô CN8, đường N5, khu công nghiệp Sóng Thần 3, xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 14/20 Quốc Lộ 1A, ấp 3, xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh tại 105/49A ấp Chiêu Liêu, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất chính: Sản xuất thép cán nóng P/O, thép cán nguội, thép ống, dập cán sóng tôn, cán xà gồ thép. Sản xuất tôn lợp, cán xà gồ.
- Sản xuất thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ màu.
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, lắp dựng các cấu kiện, nhà kho, dầm cầu trục, các sản phẩm cơ khí phục vụ xây dựng.
- Sản xuất tấm lợp các loại.
- Mua bán sắt thép các loại.
- Mua bán vật tư nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất sắt thép và xây dựng.
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.
- Mua bán nông sản.
- Mua bán vỏ, ruột xe.
- Mua bán tấm cách nhiệt, tấm lợp các loại.
- Xây dựng nhà các loại.
- Thi công hệ thống điện công trình.
- Thi công hệ thống nước công trình.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Đúc sắt, thép.
- Sản xuất thép xây dựng, thép hình.
- Chế biến nông sản.
- Sản xuất, lắp đặt tấm cách nhiệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

- Sản xuất đồ gỗ gia dụng.
- Dịch vụ giao nhận. Dịch vụ khai thuê hải quan, lập dự án đầu tư và tư vấn đầu tư.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Kinh doanh địa ốc, nhà xưởng. Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghiệp, dân cư đô thị. Cho thuê kho bãi.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch	01/6/2007
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Chủ tịch	28/4/2011
Ông Lê Bá Phương	Thành viên	25/4/2008
Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng	Thành viên	25/4/2008
Bà Lâm Thị Kim Phụng	Thành viên	11/4/2011

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc	15/4/2004
Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng	Phó Tổng Giám đốc	01/6/2007
Bà Lâm Thị Kim Phụng	Phó Tổng Giám đốc	01/10/2009

3. Tình hình kinh doanh năm 2012

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2012 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc giai đoạn tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THANH NGHĨA



Số: 13.128A/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 05 đến trang 32 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh các thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2013



ĐẶNG XUÂN CẢNH
Chứng chỉ KTV số Đ.0067/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN HOÀNG VY THẢO
Chứng chỉ KTV số 1727/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. Minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		861.706.280.672	1.224.264.720.849
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	24.160.032.735	22.814.483.712
1. Tiền	111		19.550.032.735	2.758.483.712
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.610.000.000	20.056.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(5.2)	646.550.997	3.411.544.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		988.103.451	3.808.256.322
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(341.552.454)	(396.712.322)
III. Các khoản phải thu	130	(5.3)	457.079.580.505	276.938.951.477
1. Phải thu khách hàng	131		392.003.266.152	272.315.383.328
2. Trả trước cho người bán	132		9.737.327.470	1.676.346.274
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		62.565.659.228	9.377.875.525
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(7.226.672.345)	(6.430.653.650)
IV. Hàng tồn kho	140	(5.4)	364.663.930.043	899.767.070.710
1. Hàng tồn kho	141		365.600.346.469	916.635.561.600
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(936.416.426)	(16.868.490.890)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.156.186.392	21.332.670.950
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	144.028.438
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.930.941.034	3.856.429.048
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	3.506.795
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.5)	13.225.245.358	17.328.706.669

(Phần tiếp theo ở trang 6)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. Minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		533.788.509.006	416.434.969.888
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		224.517.818.161	231.402.773.396
1. TSCĐ hữu hình	221	(5.6)	44.939.059.609	57.500.451.978
+ Nguyên giá	222		89.696.977.192	94.457.758.083
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44.757.917.583)	(36.957.306.105)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	(5.7)	59.890.619.372	61.330.504.989
+ Nguyên giá	228		62.961.546.808	62.961.546.808
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.070.927.436)	(1.631.041.819)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(5.8)	119.688.139.180	112.571.816.429
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.9)	309.270.690.845	185.032.196.492
1. Đầu tư vào công ty con	251		309.194.000.000	188.505.640.749
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		339.477.795	68.477.795
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(262.786.950)	(3.541.922.052)
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.395.494.789.678	1.640.699.690.737

(Phần tiếp theo ở trang 7)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		673.846.443.721	868.958.566.996
I. Nợ ngắn hạn	310		671.599.173.721	862.998.201.896
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.10)	514.559.920.054	634.560.280.103
2. Phải trả người bán	312	(5.11)	65.773.762.251	164.780.951.025
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.11)	4.309.981.893	5.510.938.954
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.12)	69.058.992.764	34.327.661.033
5. Phải trả người lao động	315	(5.13)	226.075.041	214.899.098
6. Chi phí phải trả	316	(5.14)	2.838.701.923	4.324.115.833
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(5.15)	9.538.750.841	14.513.968.649
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	(5.16)	5.292.988.954	4.765.387.201
II. Nợ dài hạn	330		2.247.270.000	5.960.365.100
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	(5.17)	2.247.270.000	5.634.066.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	326.299.100
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	(5.18)	721.648.345.957	771.741.123.741
I. Vốn chủ sở hữu	410		721.648.345.957	771.741.123.741
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		501.360.900.000	501.360.900.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		160.852.283.540	160.852.283.540
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(58.638.685.584)	(58.638.685.584)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		25.358.534.309	17.239.269.021
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.632.796.366	1.866.469.837
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		90.082.517.326	149.060.886.927
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.395.494.789.678	1.640.699.690.737

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.812.487.702	1.812.487.702
5. Ngoại tệ			-
+ USD		4.101,92	17.295,51
+ EUR		100,84	100,27
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ THỊ VUI

NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN

NGUYỄN THANH NGHĨA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.944.237.603.066	1.918.398.200.867
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		630.678.146	2.174.662.391
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	1.943.606.924.920	1.916.223.538.476
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	1.854.178.872.326	1.577.436.746.533
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		89.428.052.594	338.786.791.943
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	35.620.473.132	7.815.546.499
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	83.174.504.579	124.473.305.876
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		82.957.311.204	79.786.289.776
8. Chi phí bán hàng	24	(6.5)	8.832.760.802	16.314.805.370
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.6)	25.024.495.954	26.390.960.920
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.016.764.391	179.423.266.276
11. Thu nhập khác	31	(6.7)	4.089.135.801	70.160.546.503
12. Chi phí khác	32	(6.8)	8.780.682.598	72.180.269.797
13. Lợi nhuận khác	40		(4.691.546.797)	(2.019.723.294)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.325.217.594	177.403.542.982
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.9)	1.594.044.991	14.953.005.420
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.731.172.603	162.450.537.562

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ THỊ VUI

NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN

NGUYỄN THANH NGHĨA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.325.217.594	177.403.542.982
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		10.880.194.311	10.342.004.565
Các khoản dự phòng	03		(18.470.350.739)	23.365.495.694
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(227.185.778)	661.227.500
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.503.205.744)	(2.377.813.803)
Chi phí lãi vay	06		82.957.311.204	79.786.289.776
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		76.961.980.848	289.180.746.714
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(179.065.043.405)	(127.362.470.409)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		551.035.215.131	532.545.397.638
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(70.474.286.926)	85.315.234.513
(không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)				
Tăng giảm chi phí trả trước	12		144.028.438	(33.578.439)
Tiền lãi vay đã trả	13		(84.673.561.422)	(78.586.403.805)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(11.324.173.792)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		574.615.696.057	688.146.359.427
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(574.911.099.726)	(687.976.026.496)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20		293.632.928.995	689.905.085.351
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.116.322.751)	(50.669.517.651)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.504.312.057	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.820.152.871	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(120.959.359.251)	(59.277.111.868)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2.066.052.205
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.164.059.825	2.159.538.141
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(120.587.157.249)	(105.721.039.173)

(Phần tiếp theo ở trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(58.508.685.584)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.379.355.534.782	1.123.663.429.277
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.502.409.981.134)	(1.490.368.085.798)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(48.645.746.160)	(144.948.614.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(171.700.192.512)	(570.161.956.605)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		1.345.579.234	14.022.089.573
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		22.814.483.712	8.792.394.139
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(30.211)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		24.160.032.735	22.814.483.712

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ THỊ VUI

NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN

NGUYỄN THANH NGHĨA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (được chuyển đổi từ Công ty TNHH thép Đại Thiên Lộc, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 7 năm 2001) (dưới đây được gọi tắt là Công ty) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000334 ngày 12 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 09 năm 2012.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, Thành Phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 501.360.900.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 gồm:

- Chi nhánh tại 507 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.
- Chi nhánh tại 19 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Long Hương, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- Xí nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc tại Ô 13A, lô CN8, đường N5, khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 69 Trần Hưng Đạo, Thị trấn Long Mỹ, Huyện Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang.
- Chi nhánh tại 295 Trần Hưng Đạo B, Phường 5, Thị xã Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.
- Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại Ô 10-11-12-13B, lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 14/20 Quốc Lộ 1A, ấp 3, Xã Tân Quý Tây, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh tại 105/49A ấp Chiêu Liêu, Xã Tân Đông Hiệp, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất chính: Sản xuất thép cán nóng P/O, thép cán nguội, thép ống, dập cán sóng tôn, cán xà gồ thép. Sản xuất tôn lợp, cán xà gồ.
- Sản xuất thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ màu.
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, lắp dựng các cấu kiện, nhà kho, dầm cầu trục, các sản phẩm cơ khí phục vụ xây dựng.
- Sản xuất tấm lợp các loại.
- Mua bán sắt thép các loại.
- Mua bán vật tư nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất sắt thép và xây dựng.
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.
- Mua bán nông sản.
- Mua bán vỏ, ruột xe.
- Mua bán tấm cách nhiệt, tấm lợp các loại.
- Xây dựng nhà các loại.
- Thi công hệ thống điện công trình.
- Thi công hệ thống nước công trình.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Đúc sắt, thép.
- Sản xuất thép xây dựng, thép hình.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Chế biến nông sản.
- Sản xuất, lắp đặt tấm cách nhiệt.
- Sản xuất đồ gỗ gia dụng.
- Dịch vụ giao nhận. Dịch vụ khai thuê hải quan, lập dự án đầu tư và tư vấn đầu tư.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Kinh doanh địa ốc, nhà xưởng. Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghiệp, dân cư đô thị. Cho thuê kho bãi.

1.4. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 68 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 500 nhân viên).

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không nằm hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	14 – 20 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
+ Phần mềm máy tính	08 năm
+ Quyền sử dụng đất có thời hạn	39 – 48 năm

4.7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay: Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư

Cuối năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu có thực nhận (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

4.9. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

▪ Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung của cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

▪ Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

▪ Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

▪ Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	<u>Mục đích</u>	<u>Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>
+ Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	5%
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	3%

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.
- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi tăng thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

4.12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được xác định theo phần công việc hoàn thành do nhà thầu tự xác định hoặc phần công việc hoàn thành được khách hàng xác định trong kỳ. Phần công việc hoàn thành được xác định theo đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

4.13. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Ưu đãi, miễn giảm thuế:

Đối với hoạt động thương mại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 06 năm tiếp theo (từ năm 2006 đến năm 2011).

Đối với hoạt động sản xuất, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ khi Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2006 đến năm 2013).

- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.14. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

4.2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	558.606.506	504.056.243
Tiền gửi ngân hàng	18.991.426.229	2.254.427.469
Các khoản tương đương tiền	4.610.000.000	20.056.000.000
Tổng cộng	24.160.032.735	22.814.483.712

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Cổ phiếu ngắn hạn	988.103.451	1.808.256.322
Đầu tư ngắn hạn khác	-	2.000.000.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn	988.103.451	3.808.256.322
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(341.552.454)	(396.712.322)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn	646.550.997	3.411.544.000

Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Đông Hải Bến Tre	113.430	988.103.451	189.613	1.808.256.322

Lý do thay đổi với loại cổ phiếu Công ty CP Đông Hải Bến Tre là do Công ty đã bán bớt cổ phiếu trong năm.

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	392.003.266.152	272.315.383.328
Trả trước cho người bán	9.737.327.470	1.676.346.274
Các khoản phải thu khác	62.565.659.228	9.377.875.525
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	464.306.252.850	283.369.605.127
Dự phòng phải thu khó đòi	(7.226.672.345)	(6.430.653.650)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	457.079.580.505	276.938.951.477

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó khoản phải thu từ các bên liên quan là 371.485.697.871 đồng – Xem thêm mục 8.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc - chi hộ, cho mượn – Xem thêm mục 8.	58.950.399.952	2.042.511.975
Tiền cho công nhân viên vay	622.744.750	630.494.750
Thuế nhập khẩu chờ được hoàn	211.747.822	5.494.103.772
Phải thu khác	2.780.766.704	1.210.765.028
Cộng	62.565.659.228	9.377.875.525

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	-	(268.074.094)
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 02 năm	(68.503.731)	-
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 03 năm	(209.585.986)	(1.387.209.146)
Khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	(6.948.582.628)	(4.775.370.410)
Cộng	(7.226.672.345)	(6.430.653.650)

5.4. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	99.829.398.220	146.493.484.785
Công cụ, dụng cụ	2.677.575.489	5.840.966.146
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	204.473.512	1.372.068
Thành phẩm	23.170.216.861	356.270.895.591
Hàng hóa	239.718.682.387	408.028.843.010
Cộng giá gốc hàng tồn kho	365.600.346.469	916.635.561.600
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(936.416.426)	(16.868.490.890)
Giá trị thuần có thể thực hiện	364.663.930.043	899.767.070.710

Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm là 15.932.074.464 đồng, do hàng đã được bán ra trong năm và giá thép đầu năm 2013 đã tăng so với đầu năm 2012.

Hàng tồn kho với giá trị là 263.636.410.829 đồng và 14.159.062 Đô la Mỹ được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ vay – Xem thêm mục 5.10.

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	121.280.420	121.280.419
Tạm ứng	705.647.950	669.184.026
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12.398.316.988	16.538.242.224
Tổng cộng	13.225.245.358	17.328.706.669

Ký quỹ, ký cược ngắn hạn là khoản ký quỹ dùng để mở LC thanh toán.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

ĐVT: ngàn đồng

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	16.931.484	48.115.283	28.036.351	1.374.640	94.457.758
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.145.536)	(3.615.245)	-	(4.760.781)
Số dư cuối năm	16.931.484	46.969.747	24.421.106	1.374.640	89.696.977

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	6.231.534	20.931.117	9.012.646	782.009	36.957.306
Khấu hao trong năm	1.191.754	4.813.310	3.272.858	162.386	9.440.308
Thanh lý, nhượng bán	-	(181.709)	(1.413.906)	-	(1.595.615)
Giảm khác	-	(40.211)	(3.871)	-	(44.082)
Phân loại lại	-	9.134	(9.134)	-	-
Số dư cuối năm	7.423.288	25.531.641	10.858.593	944.395	44.757.917

Giá trị còn lại

Tại ngày đầu năm	10.699.950	27.184.166	19.023.705	592.631	57.500.452
Tại ngày cuối năm	9.508.196	21.438.106	13.562.513	430.245	44.939.060

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 11.701.386.458 đồng – Xem thêm mục 5.10 và 5.17.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.598.224.305 đồng

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	62.870.247.808	91.299.000	62.961.546.808
Mua trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối năm	62.870.247.808	91.299.000	62.961.546.808

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	1.608.217.073	22.824.746	1.631.041.819
Khấu hao trong năm	1.428.473.242	11.412.375	1.439.885.617
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Phân loại lại	(11.412.372)	11.412.372	-
Số dư cuối năm	3.025.277.943	45.649.493	3.070.927.436

Giá trị còn lại

Tại ngày đầu năm	61.262.030.735	68.474.254	61.330.504.989
Tại ngày cuối năm	59.844.969.865	45.649.507	59.890.619.372

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 9.415.291.820 đồng – Xem thêm mục 5.10 và 5.17.

Giá trị còn lại của tài sản đã dùng để thế chấp để bảo lãnh cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc là 47.996.740.541 đồng và tài sản trên đất với giá trị là 117.602.134.039 đồng – Xem thêm mục 5.8.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Công trình văn phòng, nhà xưởng	111.000.913.978	93.101.647.970
Máy móc, dây chuyền sản xuất	7.504.973.204	18.245.057.878
Công trình tường rào tại Xí nghiệp cơ khí	-	1.225.110.581
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.182.251.998	-
Tổng cộng	119.688.139.180	112.571.816.429

Giá trị xây dựng cơ bản dở dang công trình văn phòng nhà xưởng, máy móc thiết bị và công trình văn phòng là 117.602.134.039 đồng đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc – Xem thêm mục 5.7.

5.9. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	309.194.000.000	188.505.640.749
Đầu tư dài hạn khác	339.477.795	68.477.795
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	309.533.477.795	188.574.118.544
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(262.786.950)	(3.541.922.052)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	309.270.690.845	185.032.196.492

Đầu tư vào công ty con được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	300.000.000.000	179.311.640.749
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	9.194.000.000	9.194.000.000
Cộng	309.194.000.000	188.505.640.749

Chi tiết các khoản đầu tư vào Công ty con như sau:

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701295237 ngày 22 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 12 năm 2012 vốn đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH MTV thép Đại Thiên Lộc là 482.000.000.000 đồng. Trong năm, Công ty đã đầu tư thêm 120.688.359.251 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng số vốn Công ty đã đầu tư là 300.000.000.000 đồng, tương đương 62% vốn điều lệ.

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701295519 ngày 22 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH MTV tôn Đại Thiên Lộc là 15.000.000.000 đồng. Tại ngày kết thúc năm kế toán, Công ty đã đầu tư 9.194.000.000 đồng, tương đương 61,29% vốn điều lệ.

Đầu tư dài hạn khác tăng trong năm là do Công ty chuyển đổi Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng DTL từ Công ty TNHH MTV sang Công ty TNHH hai thành viên trở lên theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 17 tháng 9 năm 2012. Theo đó tỷ lệ vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH Cơ Khí và Xây dựng DTL giảm từ 100% xuống còn 15%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.10. Vay ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	509.692.900.804	627.432.881.903
Vay đối tượng khác	984.733.250	2.715.227.000
Vay dài hạn đến hạn trả	3.882.286.000	4.412.171.200
Tổng cộng	514.559.920.054	634.560.280.103

Các khoản vay ngân hàng dùng để bổ sung vốn lưu động và mua nguyên vật liệu, chịu lãi suất từ 6,3%/năm đến 7,8%/năm đối với USD và từ 13,5%/năm đến 19,8%/năm tùy từng thời kỳ đối với VND và được đảm bảo bằng:

- Hàng tồn kho với giá trị là 263.636.410.829 đồng và 14.159.062 Đô la Mỹ – Xem thêm mục 5.4.
- Tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 4.843.068.968 đồng – Xem thêm mục 5.6.
- Tài sản cố định vô hình với giá trị còn lại là 1.998.890.806 đồng – Xem thêm mục 5.7.

Vay đối tượng khác là các khoản vay cá nhân dưới hình thức tín chấp và chịu lãi suất từ 1,65%/tháng.

Vay và nợ dài hạn đến hạn trả: Xem thêm mục 5.17.

5.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	65.773.762.251	164.780.951.025
Người mua trả tiền trước	4.309.981.893	5.510.938.954
Tổng cộng	70.083.744.144	170.291.889.979

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó, khoản phải trả cho các bên liên quan là 6.653.607.012 - Xem thêm mục 8.

5.12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	44.183.021.892	10.710.429.606
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.353.346.196	-
Thuế xuất, nhập khẩu	5.809.731.375	5.393.908.409
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.280.377.707	14.686.332.716
Thuế thu nhập cá nhân	1.432.515.594	3.536.990.302
Tổng cộng	69.058.992.764	34.327.661.033

5.13. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 12 năm 2012 còn phải trả.

5.14. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí lãi vay	2.603.563.923	4.319.814.141
Chi phí khác	235.138.000	4.301.692
Tổng cộng	2.838.701.923	4.324.115.833

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	106.679.760	177.686.309
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	150.177.534	810.948.993
Cổ tức phải trả	152.737.500	1.890.253.660
Thu hộ tiền hàng	2.148.583.208	2.147.399.707
Tiền mượn	3.928.227.656	5.788.737.887
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.052.345.183	3.698.942.093
Tổng cộng	9.538.750.841	14.513.968.649

5.16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	4.765.387.201	934.559.553
Trích lập trong năm	4.871.559.173	7.286.406.742
Tăng khác	6.970.100	88.076.300
Sử dụng trong năm	(4.350.927.520)	(3.543.655.394)
Số dư cuối năm	5.292.988.954	4.765.387.201

5.17. Vay và nợ dài hạn

Vay dài hạn là các khoản vay ngân hàng có thời hạn từ 48 tháng đến 60 tháng với lãi suất dao động theo lãi suất tiền gửi của ngân hàng cộng biên độ phù hợp do các ngân hàng quy định từng thời kỳ. Số dư nợ gốc đến 31/12/2012 là 6.129.556.000 đồng, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 3.882.286.000 đồng – Xem thêm mục 5.10.

Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng:

- Tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 6.858.317.490 đồng – Xem thêm mục 5.6.
- Tài sản cố định vô hình với giá trị còn lại là 7.416.401.014 đồng – Xem thêm mục 5.7.

(Phần tiếp theo ở trang 24)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.18. Vốn chủ sở hữu

5.18.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	484.974.700.000	151.238.500.000	(130.000.000)	7.858.510.594	1.903.869.837	148.698.196.214	794.543.776.645
Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	16.386.200.000	9.613.783.540	-	-	-	-	25.999.983.540
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(58.508.685.584)	-	-	-	(58.508.685.584)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	162.450.537.562	162.450.537.562
Trích lập quỹ	-	-	-	9.380.758.427	362.200.000	(17.029.365.169)	(7.286.406.742)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(145.003.166.000)	(145.003.166.000)
Chi quỹ	-	-	-	-	(399.600.000)	-	(399.600.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(55.315.680)	(55.315.680)
Số dư đầu năm nay	501.360.900.000	160.852.283.540	(58.638.685.584)	17.239.269.021	1.866.469.837	149.060.886.927	771.741.123.741
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.731.172.603	1.731.172.603
Trích lập quỹ	-	-	-	8.119.265.288	811.926.529	(13.802.750.990)	(4.871.559.173)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(46.908.230.000)	(46.908.230.000)
Chi quỹ	-	-	-	-	(45.600.000)	-	(45.600.000)
Tăng khác	-	-	-	-	-	1.438.786	1.438.786
Số dư cuối năm	501.360.900.000	160.852.283.540	(58.638.685.584)	25.358.534.309	2.632.796.366	90.082.517.326	721.648.345.957

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.18.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu Năm	
	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	187.697.270.000	37,44	82.500.000.000	16,46
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	71.817.750.000	14,32	41.250.000.000	8,23
Vốn góp của các đối tượng khác	241.845.880.000	48,24	377.610.900.000	75,31
Tổng cộng	501.360.900.000	100,00	501.360.900.000	100,00

5.18.3. Cổ tức

Trong năm Công ty đã chi trả cổ tức đợt 2 năm 2011 (10%/mệnh giá) với số tiền 46.908.230.000 đồng.

5.18.4. Cổ phần

	Số cuối năm	Số đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	50.136.090	50.136.090
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	50.136.090	50.136.090
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	3.227.840	3.227.840
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	46.908.250	46.908.250
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.18.5. Lãi cơ bản trên cổ phần

Công ty không trình bày chỉ tiêu này theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu” do Công ty có lập báo cáo tài chính hợp nhất nên chỉ tiêu lãi Cơ bản trên cổ phần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

5.18.6. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	149.060.886.927	148.698.196.214
Lợi nhuận sau thuế trong năm	1.731.172.603	162.450.537.562
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(8.119.265.288)	(9.380.758.427)
Trích lập Quỹ khác từ vốn chủ sở hữu	(811.926.529)	(362.200.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.871.559.173)	(7.286.406.742)
Chia cổ tức	(46.908.230.000)	(145.003.166.000)
Tăng/(giảm) khác	1.438.786	(55.315.680)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	90.082.517.326	149.060.886.927

(Phần tiếp theo ở trang 25)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	1.371.078.290.135	1.050.680.725.238
Doanh thu bán thành phẩm	545.352.896.904	862.933.771.522
Doanh thu xây dựng	18.429.853.081	-
Doanh thu bán nguyên vật liệu	4.725.544.086	4.723.137.812
Doanh thu khác	4.651.018.860	60.566.295
Giảm giá hàng bán	(15.944.724)	(2.159.388.262)
Hàng bán bị trả lại	(614.733.422)	(15.274.129)
Doanh thu thuần	1.943.606.924.920	1.916.223.538.476

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.337.700.717.268	855.199.154.113
Giá vốn của thành phẩm đã bán	506.738.124.106	700.708.503.711
Giá vốn xây dựng	18.418.224.823	-
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	2.611.270.732	4.660.597.819
Giá vốn khác	4.642.609.861	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(15.932.074.464)	16.868.490.890
Tổng cộng	1.854.178.872.326	1.577.436.746.533

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.164.059.825	343.380.597
Lãi đầu tư chứng khoán	82.686.129	1.968.947.795
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	932.295.464	5.503.218.107
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	227.185.778	-
Lãi bán hàng trả chậm – Xem thêm mục 8.	33.214.245.936	-
Tổng cộng	35.620.473.132	7.815.546.499

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	82.957.311.204	79.786.289.776
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.712.020.195	40.483.866.548
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	661.227.500
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(3.334.294.970)	3.541.922.052
Lãi mua hàng trả chậm	817.042.778	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	22.425.372	-
Tổng cộng	83.174.504.579	124.473.305.876

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.842.293.029	3.714.885.444
Chi phí vật liệu, bao bì	151.355.913	1.771.901.812
Chi phí công cụ, dụng cụ	12.613.639	177.238.544
Chi phí khấu hao tài sản cố định	104.810.211	106.929.990
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.267.966.908	579.633.747
Chi phí khác	5.453.721.102	9.964.215.833
Tổng cộng	8.832.760.802	16.314.805.370

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	3.908.856.607	9.160.405.906
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	12.104.738	62.882.408
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.750.845.460	854.321.737
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	786.018.695	2.558.370.430
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.392.353.773	7.606.565.337
Chi phí khác	8.174.316.681	6.148.415.102
Tổng cộng	25.024.495.954	26.390.960.920

6.7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.504.312.057	3.309.843.777
Nhượng bán các dây chuyền máy móc, thiết bị dở dang	-	65.652.591.125
Thu tiền vi phạm hợp đồng	-	1.057.166.515
Thu nhập khác	584.823.744	140.945.086
Tổng cộng	4.089.135.801	70.160.546.503

6.8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.165.166.137	3.279.671.340
Tiền phạt, tiền bồi thường	4.258.466.779	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định không hoạt động	1.301.106.764	-
Giá vốn các dây chuyền máy móc, thiết bị dở dang nhượng bán	-	65.464.487.900
Chi phí khác	55.942.918	3.436.110.557
Tổng cộng	8.780.682.598	72.180.269.797

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	3.325.217.594	177.403.542.982
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	2.255.797.178	3.201.286.245
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	-	(1.203.079.921)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	5.581.014.772	179.401.749.306
+ Thu nhập từ hoạt động sản xuất (thuế suất 15%)	1.564.362.173	85.200.172.659
+ Thu nhập từ hoạt động thương mại (thuế suất 20%)	3.936.807.237	94.201.576.647
+ Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác (thuế suất 25%)	79.845.362	-
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	1.395.253.693	31.620.341.228
Trừ thuế TNDN được miễn giảm	(470.603.742)	(15.810.170.614)
Điều chỉnh thuế TNDN của năm trước	669.395.040	(857.165.194)
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	1.594.044.991	14.953.005.420

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	123.330.452.371	772.809.603.829
Chi phí nhân công	7.007.397.415	19.240.133.158
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.579.026.190	9.866.931.538
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.698.007.274	10.093.721.454
Chi phí khác	28.867.866.686	21.099.138.655
Tổng cộng	176.482.749.936	833.109.528.634

7. Báo cáo bộ phận

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận”, do Công ty có lập báo cáo tài chính hợp nhất nên các thuyết minh về báo cáo bộ phận sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

8. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	Công ty con
2. Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Công ty con
3. Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng Đại Thiên Lộc	Công ty đầu tư
4. Công ty TNHH Sản xuất thép Tâm Đức	Cổ đông lớn
5. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	Cổ đông lớn
6. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
7. Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Cổ đông lớn
8. Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Thiên Lộc	Công ty thuộc sở hữu cá nhân liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu bán hàng – Xem thêm mục 5.3	371.485.697.871	151.806.485.820
Phải thu khác – Xem thêm mục 5.3	58.950.399.952	2.042.511.975
Phải thu cá nhân có liên quan	-	1.400.000.000
Phải trả bán hàng – Xem thêm mục 5.11	(6.653.607.012)	(43.249.295.365)
Phải trả khác	(6.076.810.864)	(2.561.395.394)

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Bán hàng	1.488.993.317.787	167.985.166.165
Bán tài sản	3.504.312.057	65.744.674.205
Phí gia công	4.642.609.761	-
Xây dựng cơ bản dở dang	6.572.807.460	-
Xây dựng	18.429.853.081	-
Mua hàng	310.166.093.706	53.008.432.800
Thu hộ tiền hàng	3.660.660.357	491.977.400
Các bên liên quan thu hộ	-	2.510.526.662
Chi hộ	9.286.420.024	21.956.600
Cho mượn	54.861.134.761	-
Nhờ chi hộ	268.750.800	-
Mượn tiền	-	35.539.642.547
Lãi bán bán hàng trả chậm – Xem thêm mục 6.3	33.214.245.936	-
Chi trả tiền trái phiếu không chuyển đổi	-	36.000.000.000
Thu tiền chuyển nhượng QSD đất	1.400.000.000	-
Lãi vay	5.463.415.993	-
Vay tiền	76.512.635.574	-
Trả tiền vay và lãi	81.433.844.727	-
Cần trừ công nợ	227.591.600.140	-

Giá bán hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc cần trừ công nợ. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Công ty cũng cung cấp và nhận tiền từ các bên có liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động. Các khoản tiền mượn và cho mượn không chịu lãi suất. Khoản vay từ các bên có liên quan chịu lãi suất là 1,65%/tháng.

Trong năm Công ty có bán hàng trả chậm cho các bên liên quan với lãi suất 0,046%/ngày.

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	180.000.000
Thu nhập ban Tổng Giám đốc	1.050.549.384	1.169.615.155
Tổng cộng	1.050.549.384	1.349.615.155

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

9. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.160.032.735	22.814.483.712
Các khoản phải thu và phải thu khác	447.130.505.213	275.262.605.203
Đầu tư ngắn hạn khác	646.550.997	3.411.544.000
Đầu tư dài hạn khác	76.690.845	68.477.795
Tài sản tài chính khác	12.398.316.988	16.538.242.224
Tổng cộng	484.412.096.778	318.095.352.934
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	516.807.190.054	640.194.346.103
Phải trả người bán và phải trả khác	74.902.918.298	177.543.879.835
Chi phí phải trả	2.838.701.923	4.324.115.833
Tổng cộng	594.548.810.275	822.062.341.771

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012
Đô la Mỹ (USD)	2.583.804,43	3.502.252,47	886.813,61	277.710,87
Euro (EUR)	-	-	100,84	100,27

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 8.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	74.902.918.298	-	74.902.918.298
Chi phí phải trả	2.838.701.923	-	2.838.701.923
Các khoản vay	514.559.920.054	2.247.270.000	516.807.190.054
01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	177.543.879.835	-	177.543.879.835
Chi phí phải trả	4.324.115.833	-	4.324.115.833
Các khoản vay	634.560.280.103	5.634.066.000	640.194.346.103

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	447.130.505.213	-	447.130.505.213
Đầu tư ngắn hạn khác	646.550.997	-	646.550.997
Đầu tư dài hạn khác	-	76.690.845	76.690.845
Tài sản tài chính khác	12.398.316.988	-	12.398.316.988
01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	275.262.605.203	-	275.262.605.203
Đầu tư ngắn hạn khác	3.411.544.000	-	3.411.544.000
Đầu tư dài hạn khác	-	68.477.795	68.477.795
Tài sản tài chính khác	16.538.242.224	-	16.538.242.224

10. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

11. Các thông tin thuyết minh khác

Công ty đã chuyển các hoạt động sản xuất sang cho Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc từ tháng 4 năm 2012.

Do thay đổi lại cơ cấu , Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 7 tháng 11 năm 2012, Công ty quyết định giải thể 02 chi nhánh:

- Xí nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc tại Ô 13A, lô CN8, đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại Ô 10-11-12-13B, lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Tuy nhiên đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, 02 chi nhánh này vẫn chưa hoàn tất thủ tục giải thể.

12. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 29 tháng 3 năm 2013.

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ THỊ VUI

NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN

NGUYỄN THANH NGHĨA